

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 30/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Kon Tum giai
đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thủy sản Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 5 năm 2021
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch hành
động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy
sản giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản gắn
với khai thác, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2022 -
2030 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn
số 4524/SNN-CCCNTY ngày 21 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*gọi tắt là Chương trình*), với các nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Xác định phát triển thủy sản nằm trong Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2030. Phát triển thủy sản đồng bộ cả về nuôi trồng và khai thác theo Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

2. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng địa phương; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, từ cung ứng giống, vật tư đầu vào, kỹ thuật, nuôi đến chế biến thủy sản; phát triển mạnh nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Khai thác thủy sản phải đi đôi với chế biến, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi nguồn lợi thủy sản; với bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống dịch bệnh cho các đối tượng nuôi theo hướng bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập để sớm đưa Kon Tum trở thành khu vực nuôi trồng, chế biến thủy sản vùng Tây nguyên.

4. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên và khuyến khích phát triển sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chuyển đổi số.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, phát triển thủy sản toàn diện các lĩnh vực từ sản xuất khai thác, nuôi trồng, chế biến theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ nhằm phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao hiệu quả cho người sản xuất và bền vững với môi trường.

- Khai thác tiềm năng các mặt nước lớn của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; lựa chọn các loài thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, hình thức nuôi từng địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2023-2030

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 11.500 ha. Trong đó: Diện tích nuôi trồng thủy sản ao hồ nhỏ đạt 1.500 ha, năng suất bình quân 06 tấn/ha/năm, sản lượng đạt 9.000 tấn/năm; Diện tích nuôi trồng thủy sản mặt nước lớn (*hồ chứa thủy lợi, thủy điện*) đạt khoảng 10.000 ha, năng suất bình quân 02 tấn/ha/năm, sản lượng đạt 20.000 tấn/năm; Nuôi lồng, bè: tổng số lồng nuôi khoảng 2.000 lồng, có dung tích khoảng 200.000m³, năng suất bình quân 40kg/m³/năm, tổng sản lượng 8.000 tấn/năm.

- Tổng sản lượng thủy sản khai thác trên địa bàn đạt 5.000 tấn/năm.

- Tổng sản lượng thủy sản 42.000 tấn, trong đó: nuôi trồng thủy sản đạt 37.000 tấn, sản lượng thủy sản khai thác 5.000 tấn; tổng giá trị đạt 2.100 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt trên 10%/năm.

- Phát triển nuôi cá lồng với một số giống đặc sản có giá trị kinh tế cao; kết hợp bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản trên các lồng hồ thủy lợi, thủy điện; phát triển vùng nuôi cá nước lạnh tại huyện Kon Plông, Tu Mơ Rông... và các vùng có tiềm năng có nguồn nước phù hợp.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm thủy sản đã qua chế biến và thủy sản tươi sống tại các địa phương.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa trên địa bàn, chấp hành đảm bảo các quy định của pháp luật về tận dụng mặt nước hồ chứa (*được cấp Giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi công trình thủy lợi, thủy điện, xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng, bè*).

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt tỷ lệ từ 50 - 70% tổng diện tích mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh (*khoảng 30.000 - 40.000 ha*); tổng số khoảng 10.000 - 20.000 lồng; tổng sản lượng khoảng 100.000 tấn/năm, sản lượng khai thác 10.000 tấn/năm.

- Tiếp tục phát triển khai thác, nuôi trồng gắn với chế biến thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại, bảo vệ nguồn lợi và môi trường, chú trọng phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị và tăng thu nhập cho người dân.

- Phát triển kinh tế ngành thủy sản nắm giữ vai trò trọng tâm trong cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin.

III. Định hướng phát triển

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với khai thác, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2022 - 2030 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản theo quy định của Luật Thủy sản 2017. Thu thập số liệu về ngư cụ sử dụng trong khai thác thủy sản, đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

- Hằng năm thả bổ sung, tái tạo các giống loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên: sông, hồ, hồ chứa... Huy động các nguồn lực tài chính tham gia, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức như: lắp đặt panô tuyên truyền về lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tờ rơi,... đến các tổ chức, cá nhân nhằm khuyến cáo người dân tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn các hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. Khai thác thủy sản

- Tăng cường trách nhiệm, tổ chức quản lý phương tiện khai thác thủy sản theo phân cấp theo quy định của pháp luật về thủy sản.

- Thực hiện quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác hợp lý, giảm thiểu tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, xử lý theo quy định của pháp luật các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại đến nguồn lợi thủy sản.

- Phát triển một số loại hình khai thác truyền thống, thân thiện môi trường không hủy diệt nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

3. Nuôi trồng thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng đa dạng hóa các đối tượng nuôi và hình thức nuôi. Tận dụng tiềm năng

mặt nước mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản như: sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện, thủy lợi.

- Phát triển nuôi các loài thủy sản truyền thống và thủy đặc sản có giá trị kinh tế. Tập trung các giải pháp nhằm hạn chế dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất nuôi như: Đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, trang thiết bị hiện đại, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học trong nuôi trồng thủy sản gắn bảo vệ môi trường và hạn chế nguy cơ dịch bệnh.

- Khai thác tiềm năng mặt nước sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện, thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản, cung cấp thực phẩm, tạo sinh kế cho người dân; phát triển nuôi cá mặt nước lớn ở các hồ chứa thủy lợi; sử dụng các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao, theo nhu cầu của thị trường tiêu thụ; kết hợp bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản trên các lòng hồ, thủy vực các sông suối.

- Tận dụng mặt nước lớn đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè tại các hồ chứa thủy điện, thủy lợi để phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Ngoài ra khuyến khích người nuôi và thu hút các cá nhân, doanh nghiệp đầu tư nuôi trồng thủy sản ứng dụng kỹ thuật nuôi tiên tiến với các đối tượng có giá trị kinh tế.

- Duy trì và phát triển nuôi các loài thủy sản truyền thống, cá bản địa ở các địa phương có điều kiện sinh thái phù hợp với các hình thức nuôi đa dạng.

- Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi ứng dụng khoa học hoặc công nghệ mới, tiến tiến, thân thiện môi trường, đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người nuôi tự giác thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực nuôi trồng theo quy định.

- Nâng cao năng lực quản lý và sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát việc sản xuất, ương dưỡng, kinh doanh giống thủy sản; việc kinh doanh thức ăn, hóa chất, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích liên kết theo chuỗi từ việc sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ thủy sản theo chuỗi giá trị.

4. Kiểm soát an toàn dịch bệnh và quản lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản. Phòng và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm; tập trung, huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, giám sát, phát

hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trên thủy sản được ưu tiên kiểm soát.

- Thực hiện công tác quan trắc môi trường; kịp thời đưa ra cảnh báo, hướng dẫn kỹ thuật kèm theo; phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước có thể ảnh hưởng đến vùng nuôi.

- Triển khai có hiệu quả các văn bản của Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh đã ban hành về công tác bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

5. Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trong nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung và nâng cao chuỗi giá trị, phát triển bền vững, hiệu quả. Khuyến khích các mô hình nuôi áp dụng công nghệ mới, tiên tiến giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (*VietGap, GlobalGap,...*) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Xây dựng và phát triển các cơ sở nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hiện giám sát dư lượng hóa chất, thuốc, kháng sinh; đẩy mạnh cấp giấy xác nhận cho các đối tượng nuôi chủ lực, gắn với việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.

IV. Một số giải pháp

1. Cơ chế, chính sách

- Thực hiện có hiệu quả các văn bản quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản; trước mắt là các văn bản về quản lý các khu bảo vệ thủy sản, bảo đảm phù hợp các quy định của Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học và thực tiễn của ngành, của địa phương.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản đồng bộ; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về phát triển thủy sản, đặc biệt chính sách về bảo hiểm nông nghiệp, chính sách về tín dụng, liên kết sản xuất...

2. Tổ chức nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất, nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm.

- Đẩy mạnh sự chuyển dịch, tái cơ cấu kinh tế hộ nuôi trồng thủy sản thông qua chính sách đầu tư tập trung cho các vùng trọng điểm, cho lĩnh vực khoa học công nghệ và đầu tư các vùng nuôi trồng thủy sản công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Trên cơ sở đó, đầu tư khai thác tối đa diện tích tiềm năng mặt nước ao hồ nhỏ để phát triển nuôi trồng thủy sản; kết hợp hài hòa, hợp lý và hiệu quả trong việc sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước lớn của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để nuôi trồng thủy sản với việc sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và điều tiết nước.

- Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đăng ký xác nhận đối tượng nuôi chủ lực, gắn với truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt.

- Tổ chức bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích với phát triển các ngành kinh tế khác như du lịch, giao thông... trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; xây dựng kế hoạch khai thác hợp lý nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản, ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp khai thác hủy diệt để đánh bắt cá một cách triệt để, đặc biệt là sử dụng chất nổ, xung điện để khai thác cá và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng

- Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng ngành thủy sản đồng bộ, phù hợp quy hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực thủy sản theo quy định của Luật Thủy sản, bao gồm: Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản, hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp... đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hiện có nhằm tăng cường công tác nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng các kết quả tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất thủy sản phù hợp với yêu cầu địa phương.

- Khuyến khích các cơ sở nuôi trồng thủy sản đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư hệ thống lồng, bè nuôi trồng thủy

sản đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản.

4. Thức ăn thủy sản

Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh; đảm bảo sản lượng hàng hóa phục vụ nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tận dụng các nguồn thức ăn tự nhiên, phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho các loài thủy sản nuôi phù hợp.

5. Ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng thủy sản

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, các phương pháp, mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản để ngăn ngừa dịch bệnh, nâng cao năng suất và chất lượng thủy sản theo hướng bền vững như: nuôi ghép, nuôi an toàn sinh học, nuôi thủy sản hữu cơ, nuôi thủy sản theo hướng VietGap...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất, ương dưỡng giống và nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, giảm giá thành sản xuất, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

6. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về thủy sản, vai trò và trách nhiệm phát triển thủy sản trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh đối với cán bộ và Nhân dân trong tỉnh, nhất là những địa phương trong việc khác thủy sản, nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản ở các vùng nuôi trong tỉnh.

- Áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến để giảm thiểu và xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và tổ chức quản lý, giám sát cộng đồng để quản lý môi trường và áp dụng các hình thức xử phạt nghiêm đối với các trường hợp không tuân thủ quy định của pháp luật.

- Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản, các biện pháp giảm thiểu rủi ro, thiệt hại trong sản xuất thủy sản do biến đổi khí hậu, thiên tai.

7. Đào tạo nguồn nhân lực

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy ngành thủy sản; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực về quản lý, nghiên cứu, sản xuất thủy sản. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong ngành thủy sản; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản.

V. Các chương trình, đề án, dự án ưu tiên thực hiện: (tại Phụ lục Kèm theo)

V. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Chương được huy động từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước được thực hiện lồng ghép nguồn kinh phí của trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành để tăng cường công tác quản lý về thủy sản trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ cho các tổ chức các nhân tham gia các chương trình dự án thủy sản theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền;

3. Nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia theo từng chương trình, dự án phù hợp với các quy định của pháp luật trong quá trình triển khai các nội dung của đề án, các chỉ tiêu phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện Chương trình và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; thực hiện sơ kết, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, cần phải bổ sung, điều chỉnh thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

- Đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các dự án ưu tiên thực hiện thuộc lĩnh vực: Phát triển cơ sở hạ tầng cho sản xuất thủy sản; bảo tồn, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản; phát triển nuôi trồng thủy sản thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương các cấp triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản,... xử lý kịp thời các vi phạm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn cho các Dự án của Chương trình theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định.

- Chủ động rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào lĩnh vực thủy sản.

3. Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm thủy sản; Xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm nuôi trồng, chế biến thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm thực phẩm thủy sản an toàn trên thị trường.

5. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với việc phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các chính sách, đề xuất các giải pháp ổn định, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; rà soát, bố trí các cửa hàng, quầy hàng, gian hàng cho các sản phẩm nông nghiệp đặc sản tại các chợ, siêu thị; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, như: Hội chợ giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu các sản phẩm do ngành thủy sản của tỉnh sản xuất, tìm kiếm khách hàng giữa các doanh nghiệp, cá nhân thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng đất đai và bảo vệ môi trường trong

nuôi trồng thủy sản đảm bảo theo quy định, hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất mặt nước kết hợp sử dụng với mục đích nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường có thể tác động đến sự phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Kon Tum

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thường xuyên triển khai các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nuôi trồng, khai thác thủy sản; tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết trong giao dịch tín dụng, tạo cơ chế thông thoáng về quy trình, thủ tục vay vốn để các doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất, ưu tiên nguồn vốn vay cho các vùng sản xuất tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn hàng năm và kế hoạch giai đoạn để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp cho đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phát triển thủy sản ở địa phương.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Tháp

Phụ lục
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2023 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên Chương trình/ dự án	Kinh phí tạm tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn			
				Trung ương	Tỉnh	Huyện	Khác
1	Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản (đào tạo, tập huấn)	1.000	2023-2045		x		
2	Hỗ trợ Xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ cá tầm thương phẩm và một số thủy đặc sản khác như (Ba Ba, , Lươn, cá Hồi, cá Chiên, cá Lăng)	10.000	2023-2045		x	x	x
3	Dự án truy xuất, giám sát nguồn gốc thủy sản từ sản xuất nuôi trồng	5.000	2023-2045	x	x	x	x
4	Chương trình thả bổ sung cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản các thủy vực tự nhiên	2.500	2023-2045		x	x	x
5	Chương trình điều tra, giám sát quan trắc, cảnh báo môi trường thủy sản	5.000	2023-2045		x		
6	Chương trình tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.000	2023-2045		x		
7	Chương trình truyền thông lắp đặt Pa nô tuyên truyền, nâng cao năng lực và nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên lưu vực sông và lòng hồ thủy điện của tỉnh Kon Tum	3.000	2023-2045	x	x	x	
8	Dự án xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ cá thương phẩm và một số thủy đặc sản khác như Baba, tôm Càng Xanh, cá trắm , lươn, cá Hồi, cá Tầm, cá lăng...(01 dự án/ cấp huyện/ năm)	3.000	2023-2045	x	x	x	x
9	Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh	900	2023-2045	x	x	x	

TT	Tên Chương trình/ dự án	Kinh phí tạm tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn			
				Trung ương	Tỉnh	Huyện	Khác
10	Dự án đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản theo liên kết chuỗi giá trị (từ 01 dự án / cấp huyện)	1000	2023-2045		x	x	x
11	Dự án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề khai thác thủy sản bằng ngư cụ cầm khai thác	1000	2023-2045	x	x	x	x
12	Dự án xây dựng hệ thống bảo vệ các bãi cá đẻ, bãi sinh vật thủy sản còn non (03 Dự án)	5000	2023-2045	x	x	x	x
13	Xây dựng các mô hình phát triển sản phẩm thủy sản truyền thống, đặc sản, sản phẩm có thương hiệu, uy tín, đảm bảo chất lượng cao, an toàn thực phẩm, tiện dụng, giá cả cạnh tranh.	2000	2023-2045	x	x	x	x
14	Dự án thành lập Tổ chức cộng đồng đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản/ cấp huyện	1000	2023-2045		x	x	x
14	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực lòng hồ thủy điện, thủy lợi	3000	2023-2045	x	x	x	x
16	Dự án nuôi cá lồng ứng dụng công nghệ cao tại các huyện và thành phố Kon Tum/ cấp huyện	3000	2023-2045		x	x	x
17	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm thủy sản (05 cơ sở)	2000	2023-2045		x	x	x
18	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu ngành thủy sản	1000	2023-2045	x	x	x	x
19	Dự án xây dựng, tổ chức các mô hình khai thác thủy sản nội địa theo hình thức đồng quản lý, kết hợp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (01 dự án/ cấp huyện)	2000	2023-2045		x	x	x
20	Dự án sản xuất cá giống và các giống thủy đặc sản cung cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh (05 dự án)	1000	2023-2045		x	x	x